

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 789/2017/PT-HS

Ngày: 07/11/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Hà.

Các Thẩm phán: Bà Phan Thanh Huyền và ông Nguyễn Từ Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Tuấn Dũng - Cán bộ Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 07/11/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 728/2017/TLPT-HS ngày 06/10/2017 đối với bị cáo Trịnh Quang T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 95/2017/ST-HS ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện GL.

Bị cáo có kháng cáo: **TRỊNH QUANG T**, sinh năm 1937; ĐKNKTT và trú tại: Thôn C, xã CB, huyện GL, thành phố Hà Nội; *nghề nghiệp:* Bộ đội nghỉ hưu; *trình độ học vấn:* 10/10; *đảng phái:* Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (Đã bị Ủy ban kiểm tra huyện ủy GL đình chỉ sinh hoạt đảng từ ngày 29/8/2013); con ông Trịnh Quang N và bà Lê Thị V (Đều đã chết); có vợ là Lê Thị H và 03 con; *tiền án, tiền sự:* Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/8/2013 đến ngày 06/8/2015 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người bị hại không kháng cáo: Cháu Dương Thúy D, sinh ngày 09/02/1999; *người đại diện, đồng thời là người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cháu D:* Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1979 và anh Dương Văn P, sinh năm 1962; *trú tại:* Số nhà B, thị trấn H, huyện GL, T phố Hà Nội. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có quen biết, khoảng 11 giờ ngày 30/7/2013, Trịnh Quang T gọi điện cho cháu Dương Thúy D đến Bưu điện xã CB để gặp T. Cháu D đến nơi gửi xe đạp tại cửa hàng tạp hóa của bà Đỗ Thị Mùi rồi đi vào bưu điện; T ra đóng cổng, cửa Bưu điện. Khi cháu D vào phòng vệ sinh rửa chân xong quay ra thì thấy T không mặc quần áo đang ngồi trên ghế phía trong bàn làm việc của Bưu điện. T gọi cháu D lại gần bên cạnh rồi kéo tụt chiếc quần lửng mặc ngoài và quần lót của cháu D xuống đến đầu gối; cháu D dùng hai tay kéo quần lên thì T nói sau có vết bẩn và dùng tay phải phủi mấy cái vào mông, D không đồng ý và bảo để cháu tự phủi. Tiếp đó, T bất ngờ dùng hai tay tụt quần cháu D xuống tận gót chân, khi cháu D cúi xuống kéo lên thì T túm hai vai, đẩy cháu D nằm ngửa xuống nền nhà. T nằm đè lên người cháu D, dùng tay cầm dương vật cọ xát bên ngoài âm hộ của T. T phản đối, không đồng ý, giãy giụa liên tục nên T không cho dương vật của mình vào âm hộ của cháu D được. Sợ cháu D la hét nên T đã bịt miệng T. Lúc này, chị Lê Thị A được chị Nguyễn Thị Diệu Th thông báo nên đã đến Bưu điện Cổ Bi đập cửa gọi; chị A nhìn qua cửa kính thấy T trong tình trạng cởi trần ngồi trên ghế còn cháu D đứng bên cạnh. Thấy vậy, T mặc vội quần áo, cổ áo lộn ngược, cài lệch khuy áo đi ra mở cửa. Tiếp đó, chị Nguyễn Thị Hồng Th là mẹ cháu D được chị A thông báo cũng đến nơi và hai chị có lời qua tiếng lại, chửi T. Sau khi sự việc xảy ra, T đã nhiều lần gọi điện nhắn tin từ số thuê bao 0983104863 đến số điện thoại của chị Th và anh Dương Văn P là cha mẹ cháu D, đề nghị bồi thường, hòa giải để gia đình cháu D rút đơn tố cáo.

Ngoài ra, theo cháu D khai: Khoảng buổi sáng một ngày cuối tháng 6/2013, khi cháu D đang ngồi học vi tính tại Bưu điện xã CB, T đã cởi hết quần áo, ôm cháu D từ phía sau rồi đè cháu D ra nền nhà để quan hệ tình dục. Sau khi quan hệ tình dục xong, T đã đe dọa cháu D không được nói cho ai biết.

Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng gồm: 01 quần vải nữ (loại quần lửng) màu đỏ, chấm trắng; 01 áo vải nữ (loại áo cộc tay sát nách) màu trắng,

viên cổ, viên tay đỏ chấm trắng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung có sim số 01673114533 của cháu Dương Thúy D.

Tại giấy chứng nhận *(khám chứng thương cho cháu Dương Thúy D)* của Bệnh viện phụ sản Trung ương ngày 05/8/2013 kết luận: Màng trinh giãn rộng, không thấy xác tinh trùng trên tiêu bản.

Tại Bản kết luận giám định số 622 ngày 28/4/2014 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an kết luận: *“Không phát hiện thấy lông tóc người, dấu vết máu người trên chiếc quần vải, lưng, màu đỏ chấm trắng và chiếc áo vải, cộc tay, màu trắng, có viên cổ ghi thu của Dương Thúy D; không có tinh dịch và tinh trùng người trên chiếc áo vải, cộc tay, màu trắng, có viên cổ ghi thu của Dương Thúy D; trên chiếc quần vải, lưng, màu đỏ chấm trắng ghi thu của Dương Thúy D có xác tinh trùng người. Phân tích gen ADN theo hệ Identifiler từ mẫu tinh trùng người trên chiếc quần vải, lưng, màu đỏ chấm trắng ghi thu của Dương Thúy D và các mẫu tóc ghi thu của Dương Thúy D và Trịnh Quang T cho thấy: Tinh trùng người trên chiếc quần vải, lưng, màu đỏ chấm trắng ghi thu của Dương Thúy D là của Trịnh Quang T”*.

Tại Bản kết luận giám định số HT46.1/XN-PY ngày 17/7/2016 của Viện pháp y Quân đội - Bộ Quốc phòng đã kết luận: *“Kiểu gen của Trịnh Quang T và kiểu gen phân tích từ tinh trùng người trên chiếc quần vải, lưng, màu đỏ, chấm trắng ghi thu của Dương Thúy D đã được xác định trong kết luận số 622 ngày 28/4/2014 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an giống nhau 100% trên các locus gen được phân tích và so sánh”*.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 95/2017/ST-HS ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện GL đã áp dụng khoản 1 Điều 112; điểm m, s khoản 1 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự, xử phạt Trịnh Quang T **23** tháng **06** ngày tù về tội *“Hiếp dâm trẻ em”*; ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27/7/2017, bị cáo Trịnh Quang T kháng cáo cho rằng bị oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng: Cơ quan điều tra đã không khách quan khi tiến hành điều tra, quy chụp cho bị cáo; có vi phạm, mâu thuẫn trong việc trưng cầu, lấy mẫu và kết luận giám định; ngày 30/7/2013 bị cáo không có mặt tại Bưu điện mà đang điều trị tại Bệnh viện Quân y 108. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi đánh giá chứng cứ; đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi; nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 231; Điều 234; điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo về hình thức; về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, cụ thể: Áp dụng khoản 1 Điều 112; điểm m, s khoản 1 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự, xử phạt Trịnh Quang T **23** tháng **06** ngày tù về tội “*Hiếp dâm trẻ em*”.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] **Về tố tụng:** Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định bị cáo Trịnh Quang T kháng cáo là hợp lệ, được chấp nhận. Trong quá trình tiến hành các hoạt động điều tra vụ án này, Cơ quan điều tra cấp sơ thẩm đã có một số sai sót, vi phạm nhưng đã được khắc phục, làm rõ trong những lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung; đó là những sai sót do cầu thả và nó không ảnh hưởng đến bản chất của hành vi cũng như sự thật khách quan của vụ án.

[2] **Về nội dung:** Căn cứ những lời khai của ban đầu của Trịnh Quang T về diễn biến của vụ án (*tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày những lời khai đó là tự nguyện*); những lời khai của chị Nguyễn Thị Diệu T, chị Lê Thị A, bà Đỗ Thị M, chị Lê Thanh Th, chị Nguyễn Thị Hồng Th và anh Dương Văn P; và đặc biệt là lời khai của cháu Dương Thúy D. Căn cứ danh sách các cuộc gọi đến và đi từ số máy điện thoại của Trịnh Quang T và cháu Dương Thúy D. Căn cứ những tin nhắn trong điện thoại của cháu D; tin nhắn trong điện thoại của chị Nguyễn Thị Hồng Th và anh Dương Văn P. Căn cứ Bản kết luận giám định số 622 ngày 28/4/2014 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an và Bản kết luận giám định số HT46.1/XN-PY ngày 17/7/2016 của Viện pháp y Quân đội -

Bộ Quốc phòng; và các tài liệu, chứng cứ chứng minh khác trong hồ sơ vụ án cho thấy: Khoảng 11 giờ ngày 30/7/2013, Trịnh Quang T đã dụ dỗ cháu Dương Thúy D đến Bưu điện xã CB, huyện GL. Tại đây, T đã cởi bỏ quần áo của mình, tụt quần cháu D, dùng vũ lực cưỡng ép để giao cấu với cháu D, khi đó mới 14 năm 5 tháng 21 ngày tuổi. Tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng thể hiện: Do bị cháu D phản ứng nên T đã không đưa được dương vật vào trong âm đạo của cháu D mà chỉ có sự cọ sát và T xuất tinh ra bên ngoài. Về lý luận, tội hiếp dâm là tội có cấu thành hình thức, tội phạm hoàn thành khi người phạm tội đã thực hiện một hoặc một số hành vi khách quan thể hiện ý chí chủ quan. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Trịnh Quang T về tội “*Hiếp dâm trẻ em*” theo quy định tại khoản 1 Điều 112 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và không oan.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi; đã xem xét về nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 23 tháng 06 ngày tù - dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có phần nhẹ. Do không có kháng cáo, kháng nghị theo hướng tăng nặng hình phạt nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Quang T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án thì bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Quang T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, cụ thể: Áp dụng khoản 1 Điều 112; điểm m, s khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật hình sự, xử phạt Trịnh Quang T **23 (Hai ba)**

tháng **06** (Sáu) ngày tù về tội “*Hiếp dâm trẻ em*”, được trừ đi thời gian đã bị tạm giam (*từ ngày 30/8/2013 đến ngày 06/8/2016*); ghi nhận bị cáo Trịnh Quang T đã chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo Trịnh Quang T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- TT Lý lịch Tư pháp QG - Bộ Tư pháp;
- VKSND T phố Hà Nội;
- Công an T phố Hà Nội;
- TAND huyện GL;
- VKSND huyện GL;
- Công an huyện GL;
- THADS huyện GL;
- UBND xã CB, huyện GL;
- Người kháng cáo;
- Người có liên quan đến kháng cáo;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Nam Hà